Lễ Trai đàn chẩn tế dưới triều Minh Mạng

Nguyễn Duy Phương[1]

[1] Thạc sĩ, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng.
Email: phuongduyls@gmail.com

Nhận ngày 24 tháng 7 năm 2015. Chấp nhận đăng ngày 14 tháng 8 năm 2015.

Tóm tắt: Trong số các nghi lễ của Phật giáo, lễ Trai đàn chẩn tế được các triều đại phong kiến Việt Nam tổ chức nhiều nhất và quy mô nhất. Đây không chỉ là một sinh hoạt mang tính tôn giáo, mà nghi lễ này đã trở thành một nét văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam. Bài viết tái hiện nghi lễ này từ công tác tổ chức của triều đình đến các nghi thức của buổi lễ về thời gian, địa điểm tổ chức, đồng thời làm nổi bật mục đích, đặc điểm của lễ Trai đàn; phân tích thái độ của vua Minh Mạng đối với Phật giáo và sức sống của tôn giáo này trong đời sống tâm linh của dân tộc Việt.

Từ khóa: Lễ Trai đàn chẩn tế, Phật giáo, vua Minh Mạng, nghi lễ, tâm linh.

Abstract: Among Buddhist rituals, the *Trai dan chan te* was held in the highest number and largest scale by Vietnamese feudal dynasties. It was not only a religious activity, but also a traditional cultural trait of the Vietnamese. The paper depicts the ritual from the organisation by the royal court to the protocol regarding the timing and venue selection. The article also aims to highlighting the objectives and characteristics of the ritual, analysing King Minh Mang's attitude towards Buddhism and the religion's vitality in the Vietnamese spiritual life.

Keywords: *Trai dan chan te* ritual, Buddhism, King Minh Mang, ritual, spiritual.

1. Lễ Trai đàn chẩn tế

Lễ Trai đàn chẩn tế[2] thực chất là một nghi lễ cúng thí thực cho những người chết không có ai thờ tự, và cầu nguyện cho những người chết oan (chết vì chiến tranh, tai nạn, thiên tai...) được siêu thoát, thuyết giảng cho các vong linh về nguyên nhân dẫn đến cái chết oan nghiệt đó nhằm hóa giải những oan ức, oán hận của họ, đồng thời, hướng dẫn họ tu tập, quay về nương tựa nơi Tam bảo để không phải sinh vào đường ác đạo mà sẽ được tái sinh làm người hay về cõi cực lạc. Lễ Trai đàn chẩn tế còn cầu mong sự an lạc cho người đang sống.

Lễ Trai đàn được thực hành trên căn bản một tác phẩm tên là *Thí Chư Ngạ Quỷ Ẩm Thực Cập Thủy Pháp* do Bất Không dịch vào thế kỷ thứ VIII đời Đường. Theo sự tích thì một đêm A Nan tôn giả, đệ tử Phật thấy một con quỷ đói tên là Diệm

Khẩu xin A Nan cho ăn cơm. A Nan về hỏi Phật, nhân đó Phật chỉ bày phương pháp thí thực cho ngạ quỷ tức là quỷ đói. Phật đã dạy những câu thần chú để tụng đọc trong lễ thí thực: đọc các thần chú này lên thì mỗi con ngạ quỷ đều có thức ăn ăn, còn có thể giúp các ngạ quỷ được thoát khổ sinh lên cõi trời, đồng thời người thực hành nghi lễ này cũng được tăng tuổi thọ và phúc đức [3, tr.8-9].

Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* cho rằng, lễ Trai đàn bắt đầu thịnh hành ở Đại Việt từ năm 1302 bởi một đạo sĩ người phương Bắc tên là Hứa Thông Đạo [2, tr.216]. Kể từ đây, hầu như triều đại nào cũng có tổ chức nghi lễ này. Thời Trần, năm 1320, sư Pháp Loa đã tổ chức lễ Trai đàn ở chùa Phổ Ninh trong cung để cầu cho thượng hoàng Anh Tông được trường thọ. Đến thời Lê các vua Lê không còn trọng dụng Phật giáo như thời Lý - Trần nhưng lễ Trai đàn vẫn được tổ chức. Năm 1424, vua Lê Thái Tông cho dựng lễ Trai đàn ngay điện Cần Chánh để tu tạo công đức, cầu cho có mưa. Đến thời vua chúa nhà Nguyễn, nghi lễ này được tổ chức thường xuyên hơn. Các năm 1602, 1714 lễ Trai đàn đều được tổ chức tại chùa Thiên Mụ. Gia Long ngay sau khi lên ngôi (1803) đã lập lễ Trai đàn bạt độ cho các quan binh tử trận. Lễ Trai đàn được triều đình tổ chức thường xuyên nhất là dưới triều Minh Mạng (hơn 10 lần) và Thiệu Trị (hơn 5 lần), thậm chí vua Tự Đức, vốn không có nhiều thiện cảm với Phật giáo cũng đã 4 lần cho tổ chức lễ Trai đàn vào các năm 1848, 1870, 1879, 1883. Việc các triều đại phong kiến Việt Nam thường xuyên cho tổ chức lễ Trai đàn đã phần nào cho thấy vị trí của nghi lễ này trong sinh hoạt tín ngưỡng của người Việt. Lễ Trai đàn không chỉ đáp ứng nhu cầu tâm linh của hoàng triều và dân chúng, mà còn là cách để triều đình gửi gắm nhiều mục đích khác nữa.

2. Mục đích của các lễ Trai đàn

Khi tổ chức lễ Trai đàn, vua Minh Mạng đều nói rõ mục đích của mình. Có lúc nhà vua mong muốn "siêu độ vong hồn của những quan quân đã chết vì việc nước" [5, t.4, tr.706], "cầu phúc đường âm để yên ủi hương hồn" [5, t.4, tr.771] nhưng cũng có khi nhà vua lại khá mâu thuẫn khi cho rằng "đặt đàn chay chưa biết những u hồn ở âm phủ có được thấm ơn không, chỉ là để tỏ ý Trẫm thương nhớ bề tôi mà thôi" [5, t.4, tr.771]. Qua lễ Trai đàn, nhà vua còn "mong cho người khỏe, vật thịnh, sóng sông yên ổn, lúa thóc được mùa để hả lòng Trẫm vì dân cầu phúc" [5, t.5, tr.735].

Lễ Trai đàn còn mang nhiều ý nghĩa khác nữa. Bản chất của các lễ Trai đàn không phải chỉ vì người đã chết mà còn vì người đang sống. Qua nghi lễ này, triều đình còn mong muốn làm yên lòng gia quyến của những binh sĩ đã hi sinh; đồng thời gửi một thông điệp đến những quan quân, binh sĩ còn đang ngày đêm chiến đấu bảo vệ đất nước là triều đình sẽ luôn trân trọng và ghi nhớ những cống hiến của họ, từ đó động viên họ hăng hái chiến đấu không ngại hi sinh, gian khổ. Đây cũng là dịp để nhà vua thể hiện sự quan tâm đối với dân chúng, giúp vua đến gần dân hơn, thu phục nhân tâm, đoàn kết quân dân để ổn định tư tưởng xã hội. Với những lí do đó, lễ Trai đàn do triều Minh Mạng tổ chức thường có quy mô lớn, được sự chuẩn bị chu đáo.

3. Nội dung, thời gian, địa điểm tổ chức lễ Trai đàn

Lễ Trai đàn do triều Minh Mạng tổ chức thường là lễ Trai đàn một thất, tức là được tổ chức trong 7 ngày, hoặc tam thất là 21 ngày[3]. Đàn cúng được lập ở cả hai nơi là dưới nước và trên cạn. Mỗi đàn có một bài sớ riêng.

Với mong muốn "âm dương lưỡng lợi", trong lễ Trai đàn do triều đình tổ chức ngoài cúng cơm thí thực cho cô hồn, còn có phát chẩn cứu tế lương thực cho người nghèo khó. Việc phát chẩn sẽ được thực hiện vào ngày cuối cùng đối với lễ Trai đàn một thất, còn đối với lễ Trai đàn tam thất thì cứ 7 ngày phát chẩn cứu tế 1 lần. Ví dụ như lễ Trai đàn năm 1840 tại chùa Phật Tích "đọc kinh làm phúc 3 tuần 7 ngày đêm, mỗi tuần 7 ngày, trai tăng lại làm 1 đàn phát chẩn cứu tế. Bắt đầu từ ngày mồng 9 tháng 7 này khai kinh, đến ngày 15 vừa gặp tiết Lan Bồn, thì lấy đêm ấy phát chẩn cứu tế" [5, t.5, tr.735].

Thời khóa biểu và nghi thức của các lễ Trai đàn được *Châu bản triều Nguyễn* ghi chép: ngày đầu tiên tổ chức lễ khởi cổ, lễ thượng phan, lễ khai kinh, cúng ngọ (giờ ngọ), tiến linh và cúng cơm thí thực (giờ mão, giờ dậu); 3 ngày tiếp theo chủ yếu là tụng kinh (giờ tí, dần, thìn, thân, tuất), cúng ngọ, tiến linh và cúng cơm thí thực (giờ mão, giờ ngọ, giờ dậu); ngày thứ 5 cùng với việc tụng kinh, cúng ngọ, tiến linh và cúng cơm thí thực, có khai đàn Dược Sư; ngày thứ 6 tụng kinh, cúng ngọ, tiến linh, cúng cơm thí thực, hoàn đàn Dược Sư và làm lễ trai tăng; ngày thứ 7 tụng kinh, cúng ngọ, tiến linh, cúng cơm thí thực và đăng đàn chẩn tế [1, tr.144, 351].

Các bộ kinh thường được tụng trong các lễ Trai đàn là Đại Thừa Diệu pháp Liên Hoa, Đại Thừa Tam Bảo, Địa Tạng bồ tát bản nguyện kinh, Từ bi đạo tràng sám pháp, Dược Sư… Vật phẩm cúng trong các lễ Trai đàn chủ yếu là hương đèn, trầu rượu, bánh ngũ sắc, hoa quả, cháo trắng, gạo muối, đường và cơm chay, trong đó đáng chú ý nhất là đồ mã - một vật phẩm khá quen thuộc và phổ biến trong các nghi lễ thờ cúng truyền thống của người Việt. Đồ mã cúng trong nghi lễ thường là quần áo, đồ dùng, bạc, vàng, tiền,… tất cả được làm bằng giấy mô phỏng giống như đồ của người sống đang dùng. Vua Minh Mạng đặc biệt quan tâm đến vật phẩm này, ông luôn nhắc nhở phải chuẩn bị thật nhiều đồ mã để cúng cho các vong linh "để tỏ ý cảm nhớ như còn sống" và "cầu âm phúc" [5, t.4, tr.771, 974].

Lễ Trai đàn do triều Minh Mạng tổ chức cũng giống như các lễ Trai đàn khác là đều cầu cúng cho thập loại chúng sinh và các âm linh oan hồn uổng tử không có ai thờ tự, nhưng đối tượng hướng đến chủ yếu của vua Minh Mạng trong nghi lễ này là các tướng lĩnh, binh sĩ trong quân đội của triều đình đã tử nạn - những người đã chiến đấu và hi sinh vì đất nước và cơ nghiệp của dòng họ Nguyễn. Chính vua Minh Mạng trong nhiều lần tổ chức lễ Trai đàn đều tỏ lòng hướng đến những người này. Chẳng hạn, nhà vua nói rõ mục đích cúng lễ Trai đàn là để cúng cho "các tướng sĩ trận vong từ trước và tất cả những ma vô tự" [5, t.3, tr.47] vì "những quan quân ta đã chết vì việc nước" [5, t.4, tr.706]. Sự quan tâm đặc biệt này của vua Minh Mạng có lẽ xuất phát từ sự khác biệt của triều Nguyễn với các triều đại khác. Triều Nguyễn được dựng lên từ một cuộc

nội chiến, là triều đại có nhiều nhất các cuộc khởi nghĩa chống đối triều đình. Do vậy, để tạo dựng và bảo vệ ngai vàng của dòng họ Nguyễn đã có biết bao quan quân, tướng sĩ phải bỏ mạng. Tổ chức lễ Trai đàn là cách triều đình bày tỏ sự thương xót, biết ơn đối với các quan quân đã hi sinh, đồng thời cũng góp phần xoa dịu nỗi đau, sự day dứt của những người đang sống.

Với quan niệm rằm tháng 7 là ngày mở cửa ngục, ân xá cho vong nhân, những vong hồn có thể lên dương gian để hưởng các vật phẩm cúng tế nên nhiều lễ Trai đàn được lập vào thời gian này, ngoài ra, còn có dịp tiết Thượng nguyên (tháng Giêng)[4] hoặc rằm tháng Tư[5]. Khoảng cách giữa các lễ Trai đàn không có quy định cụ thể, có thể là vài tháng, từng năm một hoặc vài năm, tùy thuộc vào tình hình đất nước, các sự kiện đặc biệt, các lễ kỉ niệm quan trọng của hoàng tộc hoặc quốc gia.

Địa điểm tổ chức lễ Trai đàn thường là các ngôi chùa công ở kinh thành Huế như Thiên Mụ, Linh Hựu, Giác Hoàng… trong đó, chùa Thiên Mụ là nơi được vua Minh Mạng chọn tổ chức nhiều nhất, đó là các năm 1821, 1825, 1835, 1837, 1839. Sở dĩ được ban đặc ân này là vì theo vua Minh Mạng "ở Thừa Thiên, những nơi danh thắng rất nhiều, nhưng không đâu rộng rãi khang trang bằng (chỗ chùa Thiên Mụ này). Nước ta yêu chuộng nho học, há lại chẳng muốn dựng Văn Miếu ở đây. Song chùa này làm từ triều trước cũng đã lâu năm. Ngụy Tây dù bạo ngược, vô đạo thế mà chùa chiền vẫn còn, bia, chuông như cũ, không phải không có duyên cớ mà được thế đâu" [5, t.4, tr.706].

Cũng có lúc lễ Trai đàn được tổ chức ở các ngôi chùa khá xa kinh thành, điển hình như lễ Trai đàn năm 1840 tại chùa Phật Tích ở tỉnh Sơn Tây. Nhà vua giải thích lí do lập lễ Trai đàn ở đây là vì "nghe nói chùa núi Phật Tích của tỉnh Sơn Tây thuộc Bắc Kỳ là chùa của thần tăng Từ Đạo Hạnh làm ra vốn có tiếng thiêng liêng" [5, t.5, tr.735]. Hay chùa Khải Tường ở Gia Định cũng đã từng được chọn với lí do "là nơi đất quý chung đúc điềm lành" [5, t.5, tr.735]. Như vậy, dù là chùa công ở kinh đô, hay chùa ở các địa phương khác thì yếu tố "linh thiêng" là một trong những cơ sở quan trọng để một ngôi chùa được chọn làm nơi tổ chức lễ Trai đàn. Điều này có lẽ xuất phát từ thực tế lễ Trai đàn là một nghi lễ gắn kết cõi âm và cõi dương, giữa người chết và kẻ sống với mong ước rất tâm linh nên những ngôi chùa linh thiêng sẽ dễ thực hiện được sứ mệnh của nghi lễ này hơn là những nơi khác.

4. Thành phần tham dự lễ Trai đàn

Tuy là một nghi lễ của Phật giáo nhưng lễ Trai đàn lại được triều đình đứng ra tổ chức nên trong buổi lễ này các thành viên hoàng tộc, quan lại trong triều và nhà vua đều đến tham dự và hành lễ. Trong lần đầu tiên triều Minh Mạng tổ chức lễ Trai đàn (1820), "thái trưởng công chúa làm chủ đàn chay. Các tước công lần lượt đến dâng hương. Vua thường đến xem" [5, t.2, tr.72]. Còn lễ Trai đàn năm Minh Mạng 16 (1835), nhà vua trực tiếp đến hành lễ, "đến kỳ lập đàn chay, (vua Minh Mạng) sắc cho bộ Lại, bộ Binh liệu phái, văn thì chủ sự, tư vụ, võ thì suất đội, tất cả vài mươi người luân phiên đến đàn chay, làm lễ. Vua đến chùa Thiên Mụ, tới trước đàn thờ các tướng sĩ, chính tay rót rượu, sai các quản vệ dâng tế. Lại

cho rằng Thống chế Phạm Văn Điển, Chưởng cơ Lê Văn Thụy, trước đây cầm quân đi đánh dẹp, nên sai họ chia nhau dâng rượu các đàn thờ" [5, t.4, tr.706]. Thành phần tham dự đặc biệt này đã cho thấy thái độ coi trọng của triều Minh Mạng đối với lễ Trai đàn, qua đó cũng phản ảnh phần nào niềm tin của triều đại này đối với Phật giáo.

Dù triều đình đứng ra tổ chức, lo liệu mọi công việc cho lễ Trai đàn thì chính sư tăng mới là người thực hiện các nghi lễ đó. Do vậy, một số lượng lớn sư tăng không chỉ ở chính nơi tổ chức lễ Trai đàn mà cả ở các địa phương khác trong cả nước đã được triều đình triệu tập. Chẳng hạn, ở lễ Trai đàn chùa Thiên Mụ năm 1821, ban đầu Nguyễn Hữu Thần, Nguyễn Công Tiệp tâu danh sách mời dự lễ Trai đàn lần này có 419 hòa thượng, đại sư, tăng chúng ở các chùa từ Thừa Thiên Huế đến Gia Định, trong đó hòa thượng 4 người, đại sư 64 người, tăng chúng 315 người; tùy tùng và tiểu 36 người nhưng sau đó vua Minh Mạng đã điều chỉnh lại là 1.014 người [1, tr.34-35].

Có một điều khá đặc biệt là trong mấy lần tổ chức lễ Trai đàn, vua Minh Mạng chỉ cho gọi các hòa thượng và tăng chúng từ Quảng Bình trở vào Gia Định, mỗi tỉnh đều có đại diện, tuyệt nhiên không có sự góp mặt của các sư tăng ở miền Bắc. Thậm chí, lễ Trai đàn ở chùa Phật Tích của tỉnh Sơn Tây nhà vua cũng chỉ cho mời các sư tăng ở kinh đô ra trực tiếp tiến hành, còn các sư tăng ở chính địa phương này và các tỉnh lân cận cũng chỉ được đến dự. "Nghe nói chùa núi Phật Tích của tỉnh Sơn Tây thuộc Bắc Kỳ là chùa của thần tăng Từ Đạo Hạnh làm ra vốn có tiếng thiêng liêng. Nên chọn lấy 20 người sư ở các chùa trong Kinh, người nào hơi thông giới luật trong kinh Phật, cùng với 10 người thự Hòa thanh đi đến nơi, làm đàn chay" [5, t.5, tr.735]. Khi chúng tôi tìm hiểu tiểu sử, hành trạng các danh tăng miền Bắc cũng không tìm được thông tin nào cho thấy họ có vai trò gì trong các lễ Trai đàn do triều Minh Mạng tổ chức. Sở dĩ có điều nghịch lí này là vì theo Minh Mạng, phần lớn các sư tăng ở miền Bắc chưa am tường nghi thức cúng tế nên trong lần lễ Trai đàn ở chùa Phật Tích ông đã cho triệu tập một số lượng lớn sư tăng ở miền Bắc đến tham dự và để học tập nhằm chấn chỉnh quy cách tổ chức các nghi lễ Phật giáo ở khu vực này một cách quy củ và trang nghiêm hơn. "Lại nghe nói các sư ở Bắc Kỳ, phần nhiều chưa thuộc khoa cúng. Nên chiêu tập độ 30 hay 50 người sư đã kiên trì giới luật ở các tỉnh lớn hạt láng giềng đến đàn chay chùa ấy, nghe xem tiết thứ dâng khoa cúng và những âm nhạc do thự Hòa thanh biểu diễn. Về sau này có việc thiện duyên gì tốt, cũng nên biên theo như thế mà làm, để chấn chỉnh đạo giáo nhà Phật" [5, t.5, tr.735].

Mục đích chính của các lễ Trai đàn là cầu siêu cho vong linh của các quan binh tử sĩ nên thân quyến của họ cũng được triều đình mời đến tham dự, được đãi cơm chay chu đáo. Ngày 15 tháng 7 năm Minh Mạng thứ 16 "Bộ Hộ tâu: (châu điểm)… bà con họ hàng các tướng sĩ trận vong như có đến lễ Trai đàn chiêm bái, cũng phải sắm sửa cơm chay trà nước khoản đãi đầy đủ" [1, tr.27, 32].

5. Công tác tổ chức lễ Trai đàn

Các lễ Trai đàn do triều Minh Mạng tổ chức tuy vẫn được làm ở chùa theo nghi thức của

Phật giáo nhưng mọi công tác chuẩn bị, sắp xếp, tổ chức đều do các cơ quan của triều đình trực tiếp đảm nhận. Các Châu bản ghi chép về lễ Trai đàn đã cho biết rõ vai trò, nhiệm vụ của từng cơ quan trong việc tổ chức nghi lễ này, trong đó Nội Các, Lục bộ, Viện Hàn lâm là ba cơ quan tham gia trực tiếp vào công tác này, nhưng đảm nhận nhiều công việc nhất là Lục bộ. Mỗi bộ trong Lục bộ tùy theo chức năng của mình sẽ thực hiện những phần việc cụ thể, như bộ Lễ phụ trách việc triệu tập và quản lý sư tăng, chuẩn bị kinh kệ, trang hoàng, thiết trí các đàn và bàn thờ, chuẩn bị sớ điệp, bài vị; Nội Các lập kế hoạch tổ chức; bộ Công dựng lều rạp, thiết lập đàn cúng; bộ Hộ chuẩn bị vật phẩm cúng tế, cơm nước, tiền gạo và nhiều vật dụng khác cho những người tham gia và phục vụ; bộ Binh bảo vệ an ninh trật tự, bắn pháo và quản lý các biền binh phục vụ.

Để tổ chức một lễ Trai đàn, các cơ quan chịu trách nhiệm đã phải chuẩn bị từ trước đó nhiều tháng. Chẳng hạn như lễ Trai đàn vào tháng giêng năm 1836, thì ngay từ tháng 9 năm 1835 nhà vua đã yêu cầu Nội Các chuẩn bị tiến hành các công việc cần thiết. Sử chép: "Tháng 9 năm 1835… Vua sắp lập đàn chay để cúng phổ độ cho những người tôn thân đã chết. Dụ Nội các rằng: "Nhằm tiết Thượng nguyên tháng giêng sang năm, lập đàn chay trọng thể ở chùa Thiên Mụ… Bèn sai thự Thống chế Bùi Công Huyên, Biện lý bộ Công Nguyễn Đức Trinh trông nom mọi việc: phàm những việc nên làm về đàn tràng và doanh tạo gì thì hiệp cùng bộ Lễ và bộ Công dự tính làm trước" [5, t.4, tr.711].

Việc mời các sư tăng đến dự lễ Trai đàn cũng được tiến hành từ rất sớm. Đầu tiên, Nội Các và bộ Lễ lập danh sách và trình vua phê duyệt số lượng hòa thượng và tăng chúng ở các địa phương được mời về dự lễ Trai đàn ở kinh đô, dựa vào danh sách này, quan đứng đầu ở các địa phương truyền gọi tăng nhân ở địa phương mình, chuẩn bị phương tiện và lộ phí đi đường cho họ về Kinh đúng ngày đại lễ, sau khi hoàn tất phải tấu trình cho vua biết kết quả thực hiện. Bản tấu trình của trấn thủ Nguyễn Văn Soạn và lưu thủ thần Phạm Văn Tín về việc gọi các hòa thượng và tăng chúng ở hai tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi đến dự lễ Trai đàn chùa Thiên Mụ cho biết tuy đến tháng 7 năm 1821 lễ Trai đàn mới được tổ chức nhưng những bản tấu này đã được gửi đến nhà vua từ cuối tháng 5 năm 1821 [1, tr.27, 32].

Số lượng sư tăng tham dự lễ Trai đàn lên đến trên nghìn người nhưng triều đình vẫn rất chu đáo trong việc đón tiếp, khoản đãi cơm nước đầy đủ và còn thưởng tiền bạc. Những binh dân, thợ thuyền phục vụ cho lễ Trai đàn cũng đều được nhà vua ban thưởng. Trong lễ Trai đàn năm 1821 tại chùa Thiên Mụ, nhà vua đã thưởng cho binh và thợ hơn 1.000 quan tiền, cho các tăng hơn nghìn lạng bạc [5, t.2, tr.130, 144].

Ở một số lễ Trai đàn, sư tăng ở các địa phương được mời đến tham dự sẽ được bộ Lễ sát hạch sau khi hoàn thành lễ Trai đàn. Người nào tinh thông giới luật, giữ gìn đạo hạnh thì được triều đình ban thưởng và cấp giới đao, độ điệp[6] để tiếp tục hành đạo. Chẳng hạn, sau lễ Trai đàn năm Minh Mạng thứ 11 (1830), "việc đàn đã xong, nhà sư các hạt, vâng gọi đến Kinh, hạ lệnh cho bộ Lễ sát hạch, lấy năm chục người khá thông và hơi thông cho tiệc chay, bạc lạng cùng giới đao và độ điệp rồi cho về" [5, t.3, tr.87].

Kinh phí tổ chức lễ Trai đàn đều được xuất từ ngân khố. Mỗi lần kết thúc lễ Trai

đàn, Nội Các đều phải kê khai các khoản chi tiêu lên nhà vua. Hiện nay, chúng ta vẫn còn lưu giữ được các bản tâu của cơ quan này kê khai các khoản chi tiêu cho lễ Trai đàn tại chùa Thiên Mụ các năm 1825, 1840, tại chùa Giác Hoàng và chùa Linh Hựu năm 1840 [1, tr.79, 84]. Mặc dù quy định là vậy, nhưng vua Minh Mạng vẫn còn lo ngại các quan địa phương phiền hà đến dân, nên mỗi khi tổ chức lễ Trai đàn vua luôn cẩn thận dặn dò "những lễ phẩm đàn chay cần dùng đến và các thứ nhân công vật liệu, do quan tỉnh lấy tiền mà làm, không được dùng đến công sức, tiền tài của dân" [5, t.5, tr.735].

Trong các lễ Trai đàn, triều đình thường cho bắn 62 phát súng lệnh, nhưng từ sau lễ Trai đàn ở Linh Hựu quán (1837), pháo giấy được dùng thay thế để đảm bảo an toàn [1, tr.65-66]. Thông thường chỉ có các ngày lễ trọng mới có bắn súng. Do vậy, việc bắn súng lệnh trong lễ Trai đàn đã một lần nữa khẳng định vị trí quan trọng của nghi lễ này trong hoạt động lễ tiết của triều đình.

6. Nhận xét

Từ số lần tổ chức, thành phần tham dự, cách thức tiến hành các lễ Trai đàn của triều đình, chúng ta dễ dàng nhận thấy sự quan tâm đặc biệt của vua Minh Mạng đối với nghi lễ này. Lễ Trai đàn là một nghi lễ của Phật giáo nên rất có thể nhiều người cho rằng đó là sự quan tâm xuất phát từ thiện cảm hay niềm tin của ông đối với tôn giáo này, nhưng chính nhà vua đã khẳng định "Phật giáo tuy huyền vi, chưa chắc đã hiển ứng rõ rệt, nhưng lòng ta nhớ nghĩ đến tướng sĩ, không lúc nào quên. Việc lập đàn chay này cũng là một cách ngụ ý thương xót, chứ chẳng phải dốc lòng mê tín đạo Phật đâu" [5, t.4, tr.706]. Rõ ràng, vua Minh Mạng không phải vì mến mộ Phật giáo mà cho tổ chức nhiều lễ Trai đàn đến vậy, mà theo chúng tôi, tổ chức lễ Trai đàn là cách nhà vua muốn tạo sự cân bằng về chính trị - xã hội cho một chế độ chuyên chế vốn luôn tồn tại nhiều căng thẳng, đồng thời làm mềm dẻo các mối quan hệ, từ đó giải tỏa những bức xúc về tâm lí đang có chiều hướng gia tăng trong xã hội, ngăn chặn các hành vi chống đối, ổn định an ninh trật tự góp phần phát triển đất nước.

Dù vua Minh Mạng có phủ nhận niềm tin của ông đối với Phật giáo thì việc triều đình cho tổ chức lễ Trai đàn trang trọng như một nghi lễ của quốc gia chính là sự thừa nhận và ủng hộ Phật giáo phát triển trong đời sống tín ngưỡng của dân tộc. Đối với dân tộc Việt Nam, Phật giáo không chỉ đơn thuần là một tôn giáo mà nó còn là thành tố quan trọng trong văn hóa truyền thống của người Việt. Phật giáo cũng là tôn giáo có số lượng người tin theo đông nhất. Do vậy, sự nâng đỡ của triều Minh Mạng đối với Phật giáo cũng chính là sự quan tâm của triều đình đến đời sống tinh thần, nhu cầu tâm linh của dân chúng. Đặc biệt, trước sự du nhập của văn hóa phương Tây, việc làm này đã cho thấy cố gắng của triều Minh Mạng trong việc củng cố, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, đồng thời đây cũng là một cách để tự trang bị "vũ khí tinh thần" cho nhân dân chống lại sự xâm lược về văn hóa.

Việc lễ Trai đàn được triều Minh Mạng tổ chức thường xuyên cùng với rất nhiều mong muốn mà cả vua và triều thần gửi gắm trong đó đã cho thấy tính nhập thế của nghi lễ Phật giáo này. Không chỉ đóng khung trong khuôn khổ hạn hẹp của tôn giáo mình mà lễ Trai đàn đã hướng đến cuộc đời, giúp giải quyết

những vấn đề của cuộc sống đời thường. Rõ ràng, sự phát triển cực thịnh của triều Minh Mạng trong thế kỷ XIX không thể không có sự đóng góp của các lễ Trai đàn nói riêng và Phật giáo nói chung. Qua đó, một lần nữa khẳng định vị trí của Phật giáo trong đời sống chính trị - xã hội của triều Minh Mạng.

Dù tổ chức lễ Trai đàn với mục đích gì thì nó cũng đã cho thấy tấm lòng vì dân, vì nước của vua Minh Mạng, cũng như tính nhân văn trong đường lối trị nước của ông. Thông qua việc tổ chức lễ Trai đàn của triều Minh Mạng, một lần nữa, truyền thống "uống nước nhớ nguồn" tốt đẹp của dân tộc ta lại được gìn giữ và tiếp nối để rồi chính nó là động lực giúp triều Minh Mạng lớn mạnh và cường thịnh. Đây cũng là bài học không hề cũ cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước của chúng ta hôm nay.

Chú thích

[2] Trai đàn chẩn tế, còn được gọi là Trai Đàn Thủy Lục và thường được gọi tắt là Trai đàn. Trong bài viết này chúng tôi sử dụng từ "Trai đàn" với nghĩa là "Trai đàn chẩn tế".

[3] Lễ Trai đàn được tổ chức trong 7 ngày (ở Linh Hựu quán vào tháng 7 năm 1838) hoặc 21 ngày (ở chùa Thiên Mụ các năm 1820, 1821, 1830, 1835, 1836).

[4] Lễ Trai đàn năm 1836 tại chùa Thiên Mụ.

[5] Lễ Trai đàn năm 1840 tại chùa Khải Tường.

[6] Giới đao: dao cho sư đeo dùng để cắt áo. Độ điệp: văn bằng do nhà nước cấp cho những sư xứng đáng, tỏ ý công nhận được vào đạo Phật (dẫn theo *Đại Nam thực lục*, Sđd, t.4, tr.706).

Tài liệu tham khảo

[1] Lý Kim Hoa (2003), *Châu bản triều Nguyễn - Tư liệu Phật giáo qua các triều đại nhà Nguyễn 143 năm từ Gia Long 1802 đến Bảo Đại*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.

[2] Lê Văn Hưu (Chủ biên) (1993), *Đại Việt sử kí toàn thư*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

[3] Bích Liên (2014), *Mông Sơn thí thực khoa nghi*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.

[4] Nội các triều Nguyễn (1993), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Viện Sử học dịch, Thuận Hóa, Huế.

[5] Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2004), *Đại Nam thực lục chính biên*, t.2, 3, 4, 5, Nxb Giáo dục, Hà Nội.